

Số: 499/TM-BVNĐĐN

Đồng Nai, ngày 19 tháng 8 năm 2026

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai có nhu cầu tiếp nhận báo giá, làm cơ sở để lập giá kế hoạch Mua sắm Vật tư y tế phục vụ công tác chuyên môn trong giai đoạn chờ kết quả thầu tập trung cấp địa phương năm 2026 của Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai – Quốc lộ 1A, phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai.

1. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Ông Nguyễn Văn Thành
- Chức vụ: Phụ trách Phòng Quản lý Chất lượng
- Số điện thoại: 0765 112 543

2. Cách thức tiếp nhận báo giá:

+ Bản cứng Nhận trực tiếp hoặc bưu điện.

Địa chỉ: Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai – Phòng Quản lý Chất lượng, Quốc lộ 1A, phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai

+ File mềm gửi qua Email: phongqlcl.bvnhi@gmail.com; và tbytnhidongnai1995@gmail.com.

3. Thời gian tiếp nhận báo giá:

- Từ 08 giờ 00 ngày 20 tháng 8 năm 2026 đến trước 16h00 ngày 04 tháng 9 năm 2026.
- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

4. Thời gian có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 04/9/2026

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

Kính mời Quý Công ty quan tâm và có khả năng cung cấp các mặt hàng phù hợp vui lòng báo giá hàng hóa với nội dung như sau: *(danh mục chi tiết kèm theo)*

- Yêu cầu: Báo giá theo file mẫu đính kèm.
- Cung cấp hồ sơ kèm theo báo giá: Hợp đồng trúng thầu và quyết định trúng thầu còn

hiệu lực đối với mặt hàng đã trúng thầu đang còn hiệu lực tại các cơ sở y tế (hình thức đấu thầu rộng rãi).

Trân trọng./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT;TBYT;QLCL

GIÁM ĐỐC

Lê Anh Phong

DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ YÊU CẦU BÁO GIÁ

(Kèm theo thư mời số : 499/TM-BVNĐĐN ngày 19 tháng 8 năm 2026)

STT	Tên vật tư y tế (hoặc tương đương)	Yêu cầu về tính năng và kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng
1	Băng cá nhân	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Sợi vải đàn hồi: Viscose và polyamide phủ keo oxid kẽm. - Miếng gạc thấm hút bằng sợi viscose, phủ lớp chống dính polyethylene. 2. Tính năng, công nghệ: - Thấm hút $\geq 500\%$, lực dính 2,2-9,4 N/cm, có kiểm tra vi sinh. - Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide. 3. Tiêu chuẩn: ISO 13485	Miếng	53.000
2	Băng cuộn cỡ 9cm x 2.5m	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Gạc hút nước 100% cotton. - Kích thước: 9cm x 2,5m. - Thông số: Gạc hút nước có khả năng hút nước trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên, độ ẩm <8%, độ acid và độ kiềm đạt trung tính, không có tinh bột hoặc Dextrin, các chất tan trong nước 0,5%, trọng lượng 23g/m ² , mật độ sợi ngang 7-9 sợi, dọc 9-11 sợi, 18x26 sợi/inch. 2. Tính năng, công nghệ: Được tẩy trắng bằng oxy già, không có độc tố. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cuộn	4.500
3	Băng cuộn lụa 2.5cm x 5m	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Vải dệt từ cellulose acetate 100% - Hỗn hợp keo nóng chảy: Zinc dibutyl dithiocarbamate, SIS copolymer, Zinc oxide, dầu khoáng trắng - Lực dính 1,8-5,5 N/cm - Kích thước: 2.5cm x 5m 2. Tính năng, công nghệ: - Có kiểm tra vi sinh 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 11737-1, CE (Châu Âu)	Cuộn	19.300

STT	Tên vật tư y tế (hoặc tương đương)	Yêu cầu về tính năng và kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vi tính	Số lượng
4	Băng keo cố định kim lườn 6 cm x 7cm	1. Thông số kỹ thuật: - Băng keo dính trong suốt cố định kim lườn. - Kích thước: 6cm x 7cm. - Chất liệu: Polyurethane 100%, có rãnh, màng phim trong suốt dễ quan sát, chống thấm. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485: 2016, CE (Châu Âu).	Miếng	500
5	Băng keo trong có gạc vô trùng, cỡ 6cm x 7cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: 2 lớp gồm Lớp PU film trong suốt phủ keo (keo acrylic) và gạc cotton phủ lớp PE chống dính. - Kích thước: 6cm x 7cm. 2. Tính năng, công nghệ: - Bảo vệ, ngăn nước, vi sinh vật. - Gạc thấm hút dịch, không dính vào vết thương. - Lớp film mỏng, tạo cảm giác dễ chịu khi sử dụng. - Sản phẩm được tiệt khuẩn, đựng trong từng túi riêng. 3. Tiêu chuẩn: ISO 13485	Miếng	500
6	Băng vô trùng cỡ 53 x 80mm	1. Thông số kỹ thuật: - Lớp nền: Polyurethane, trong suốt. - Lớp gạc thấm hút 70% Viscose/30% Polyester, lớp chống dính: HDPE. - Lớp keo: Acrylic. - Kích thước nền : 53mm x 80mm, gạc 35mm x 29mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Kiểm tra vi sinh theo tiêu chuẩn EN ISO-11737-1. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: Chứng nhận ISO 13485 - BSI (Châu Âu).	Miếng	4.100
7	Bao bọc camera dùng trong thủ thuật, phẫu thuật nội soi	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Nhựa PE trắng trong suốt. - Đường kính 97mm. - Vòng ngoài có bề dày trung bình 1,5 mm, vòng trong có bề dày 1,8 mm. - Phần bao nylon để lườn camera khi thao tác dài 2m, bề rộng bản 150 mm và có bề dày 0,03 mm. 2. Tính năng, công nghệ: Miếng bao được cố định bởi 2 vòng kẹp lồng vào nhau.	Cái	500

STT	Tên vật tư y tế (hoặc tương)	Yêu cầu về tính năng và kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vi tính	Số lượng
		3. Tiêu chuẩn: ISO 13485		
8	Bình chứa dịch dùng trong điều trị các tổn thương bằng phương pháp áp lực âm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polycarbonate (Grade: PC - 1220). - Thông số: dung tích 600cc. - Kích thước bình 100x120mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Có chứa thành phần Biocera-A giúp kháng khuẩn, giảm mùi hôi của dịch vết thương và chứa gel làm đặc dịch vết thương và chất lỏng trong bình. - Bình chứa dịch dùng trong điều trị các tổn thương bằng phương pháp áp lực âm. - Tương thích máy hút dịch áp lực âm chế độ liên tục & chu kỳ. - Bình chứa dịch có gắn cảm biến để báo hiệu dịch chứa đầy, máy hút dịch áp lực âm tương ứng sẽ báo tín hiệu cảnh báo. - Bình gồm bộ lọc một lần ngăn dòng chất lỏng chảy ngược trở lại hệ thống hút. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Bình	8
9	Dây truyền máu dùng cho máy truyền dịch	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polybutadiene. Không chất DEHP và PVC - Kích thước: Loại 20 giọt/ml. Bộ lọc có (mắt) lưới lọc 175 - 210µm, tổng chiều dài: 219cm 2. Tính năng, công nghệ: - Dùng cho máy truyền dịch thông thường 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Bộ	1.000

STT	Tên vật tư y tế (hoặc tương đương)	Yêu cầu về tính năng và kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vi tính	Số lượng
10	Bộ đo huyết áp động mạch xâm nhập 1 đường	1. Thông số kỹ thuật: + Dùm cho trẻ lớn (người lớn) : 2 đoạn dây chính màu đỏ dài 60inch/ 12inch và 1 đoạn dây phụ màu xanh 60inch (OD 2.8mm x ID 1.27mm) + Dùm cho trẻ em: 2 đoạn dây được mã hóa theo màu xanh/đỏ: dây chính dài 60inch/ 6inch và 1 đoạn dây phụ 60inch (OD 2.8mm x ID 0.975mm) + Dùm cho sơ sinh: đoạn dây dài 30inch/ 6inch (OD 2.8mm x ID 0.975mm) Phụ kiện đi kèm khóa 4 ngã, 1 khóa lấy mẫu máu kín, transducer DPT 3cc, dây truyền dịch IV 0.16"-60L + Quá áp -400 đến 6000 mmHg + Cân bằng tại 0: $\pm 40\text{mmHg}$ + Điều kiện cân bằng $100 \pm 3\text{mmHg}$ + Độ nhạy: $5,0\mu\text{ V/V/mmHg} \pm 1\%$. + Trở kháng đầu vào (kích thích): 1800-3300 ohms + Trở kháng đầu ra: 285-315ohms + Nhiệt độ hoạt động: $15^{\circ}\text{C}-40^{\circ}\text{C}$. + Áp lực hoạt động: -30 đến 300mmHg. + Tốc độ dòng thấp (3ml/hr) $1.9\text{ml} < \text{dòng} < 5.0\text{ml/hr} \sim 276\text{ mmHg}$. Tốc độ dòng cao (125ml/phút) $\sim 276\text{mmHg}$ + Đối xứng đầu dò (Symmetry): $1 \pm 5\%$ 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu) - Xuất xứ G15 và đạt chứng nhận lưu hành (FSC) Châu Âu	Bộ	800
11	Bộ hút đờm kín	1. Thông số kỹ thuật - Kích cỡ: 6Fr, 8Fr, 10Fr, 12Fr, 14Fr, 16Fr. 2. Tính năng, công nghệ: - Đầu nối góc xoay 360 độ, đầu bơm rửa có van 1 chiều đảm bảo hệ thống kín. Cổng MDI, nhãn đánh dấu ngày sử dụng. Catheter mềm dẻo, đầu tip mài nhẵn. - Catheter không chứa DEHP, chịu được áp lực hút $\geq 55\text{kPa}$ (412mmHg) trong một lần hút (15 giây) - Vỏ bọc polyurethane đảm bảo hệ thống kín - Số 6Fr, 8Fr, 10Fr: có chữ Y kết nối nội khí quản (từ 2 - 3 co Y trong một bộ, tùy size) - Số 12Fr, 14Fr, 16Fr.: có van chân không tạo	Bộ	680

STT	Tên vật tư y tế (hoặc tương đương)	Yêu cầu về tính năng và kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vi tính	Số lượng
		buồng cách ly, tự động rửa catheter - Tiết trùng, đóng gói đơn chiếc. Sử dụng 72 giờ. Có kèm Ống kết nối giữa chạc 3 và ống nội khí quản (Sâu máy thở). 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; CFS.		
12	Bộ ống thông (catheter) tĩnh mạch trung tâm 2 đường cỡ 4Fr-5Fr	1. Thông số kỹ thuật: Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng 4F (20G,22G), 5F (18G,20G) - Catheter vật liệu polyurethane, có cân quang. - Dây dẫn đầu J làm bằng hợp kim Nickel-Titan, chống gãy gấp 0.018", dài 45cm - Các phụ kiện khác: Kim dẫn đường thẳng 21G x 4cm, dao mổ, cây nong 5F hoặc 6F, bơm tiêm, cổ định hub, cổ định catheter - Tốc độ dòng: 4Fx6cm (Nòng xa 15~30 ml/p, nòng gần 10~20ml/p) 4Fx8cm (Nòng xa 15~25ml/p, nòng gần 9~20ml/p) 5Fx8cm (Nòng xa 25~45ml/p, nòng gần 15~35ml/p) 5Fx13cm (Nòng xa 20~35ml/p, nòng gần 10~25ml/p) 2. Tính năng, công nghệ: - Tiết khuẩn. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu). Xuất xứ G15	Bộ	160

STT	Tên vật tư y tế (hoặc tương đương)	Yêu cầu về tính năng và kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vi tính	Số lượng
13	Bộ Xilanh 190ml dùng cho máy bơm cân quang một nồng Imaxeon Salient hoặc tương đương	1. Thông số kỹ thuật: - Bộ đóng gói gồm: 1 bơm tiêm 190ml làm bằng chất liệu PET trong suốt không chứa DEHP có đường kính 4.79 ± 0.02cm dài 18.75 ± 0.15cm có piston bằng PC với đầu bọc bằng cao su tổng hợp màu đen, 1 ống hút nhanh chữ J, 1 đầu chuyển Spike dài và 1 dây nối áp lực cao dài 150cm bằng PVC với đầu kết nối bằng PC 2. Tính năng, công nghệ: dùng cho máy bơm thuốc cân quang 1 nồng Medrad/Bayer Imaxeon Salient hoặc tương đương. - Chịu áp lực cao 350psi, kết nối luer lock, nạp thuốc bằng ống hút nhanh. - Tiệt khuẩn bằng công nghệ E.O. - Tương thích hoàn toàn với máy bơm tiêm, có dấu chỉ phát hiện nhanh ống bơm đã được mỗi thuốc 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Bộ	210
14	Bơm tiêm (syringe) dùng một lần 5ml	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: PolyPropylen không Latex, không PVC, không DEHP. Miếng đệm bằng vật liệu tổng hợp (TPE), ngăn ngừa các phản ứng dị ứng. Lớp dầu silicone y tế giúp pít tông di chuyển trơn tru trong lòng ống. - Thông số: Dung tích 5ml. Kim các cỡ 23Gx1". 2. Tính năng, công nghệ: Đầu kim 3 mặt vát. Mã màu của bao bì giúp phân biệt các size bơm tiêm tránh nhầm lẫn. Dễ dàng quan sát thể tích làm đầy. Thang đo dễ đọc cho liều lượng chính xác và tin cậy. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Cái	297.000
15	Bơm tiêm (syringe) dùng một lần, 10ml kim 23G	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Piston và xy lanh được làm bằng nhựa PP y tế, silicon Y tế dùng bôi trơn. - Thông số: Dung tích 10ml. Kim cỡ 23G. 2. Tính năng, công nghệ: - Pít tông có khía bề gãy để hủy sau khi sử dụng. - Đóng gói riêng, tiệt trùng bằng khí EO. Không chứa độc tố DEHP và chất gây sốt. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001:2015; ISO 13485:2016.	Cái	177.000

STT	Tên vật tư y tế (hoặc tương đương)	Yêu cầu về tính năng và kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vi tính	Số lượng
16	Bơm tiêm (syringe) dùng một lần, 1ml kèm kim 26Gx1/2"	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Nhựa. - Thông số: Dung tích 1ml. Kim 26Gx1/2". 2. Tính năng, công nghệ: - Gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc. - Kim sắc nhọn, không có độc tố DEHP và chất gây sốt. Sản phẩm đóng gói trong túi riêng, tiệt trùng bằng khí EO. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), ISO 13485, ISO 9001:2015.	Cái	29.000
17	Bơm tiêm 3 ml dùng một lần	1. Thông số kỹ thuật: - Bơm tiêm nhựa liền kim. - Dung tích 3ml, cỡ kim 25G x 1";25G x5/8";23G x 1". 2. Tính năng, công nghệ: Piston có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001:2015; ISO 13485:2016 hoặc EN ISO 13485:2016.	Cái	90.000
18	Bơm tiêm dùng cho máy tiêm điện không kim cỡ 20 ml	1. Thông số kỹ thuật: - Thân bơm tiêm làm bằng chất liệu Polypropylen (PP) trong suốt. - Đệm pitong bằng chất liệu Thermoplastic Elastomer một loại chất liệu nhiệt dẻo có tính đàn hồi chịu nhiệt tốt, không Latex. - Dung tích 20ml (tổng dung tích 25ml). 2. Tính năng, công nghệ: - Bơm tiêm không kim, đầu khóa/xoắn (Luer Lock Tip). - Thân bơm tiêm vạch chia thể tích rõ ràng (1,0cc). - Đệm pit-tông gioăng kép giúp kín khí, giảm nguy cơ rò rỉ thuốc. - Sử dụng được với máy bơm tiêm điện. - Tiệt trùng bằng (chùm) tia điện tử. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	38.430

STT	Tên vật tư y tế (hoặc tương)	Yêu cầu về tính năng và kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vi tính	Số lượng
19	Bơm tiêm dùng cho máy tiêm điện tự động không kim 50ml đầu khóa - Luer Lock	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: + Thân bơm tiêm làm bằng chất liệu Polypropylen (PP) trong suốt, vạch chia thể tích rõ ràng (1.0cc). + Đệm pitong bằng chất liệu Thermoplastic Elastomer - một loại chất liệu nhiệt dẻo có tính đàn hồi chịu nhiệt tốt. - Thông số: Dung tích 50ml (tổng dung tích 60ml). 2. Tính năng, công nghệ: - Đệm pit-tông gioăng kép giúp kín khí, giảm nguy cơ rò rỉ thuốc. Sử dụng được với máy bơm tiêm điện. - Bơm tiêm không kim, đầu khóa/xoắn (Luer Lock Tip). - Sản phẩm không Latex & PVC. Không gây độc. Không sinh nhiệt. - Đóng gói riêng lẻ từng cái trong bao bì nhựa. Tiệt trùng bằng (chùm) tia điện tử. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	52.500
20	Bông gòn không thấm nước 1kg	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: sợi bông (từ lông của hạt cây bông, không loại mỡ). - Không tiệt trùng. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001:2015; ISO 13485:2016.	Cuộn	50
21	Bông gòn thấm nước 1kg	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Bông y tế làm từ bông xơ tự nhiên 100% cotton, chỉ có sợi bông không có loại sợi nào khác; có màu trắng tự nhiên; không dùng chất tạo màu trắng. - Kích thước: 20 x 25cm. 2. Đặc tính, thông số kỹ thuật: - Khả năng hút giữ nước: 5g bông giữ được ≥ 100 gram nước; Tốc độ chìm $\leq 8s$. - Chất tan trong nước: không quá 0,5%. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Kg	160

STT	Tên vật tư y tế (hoặc tương đương)	Yêu cầu về tính năng và kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vi tính	Số lượng
22	Bông viên y tế đường kính 20mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Bông xơ tự nhiên 100% Cotton, có màu trắng tự nhiên, không dùng chất tạo màu trắng. - Thông số: Bông viên đường kính 20mm, không tiết trùng. 2. Tính năng, công nghệ: - Khả năng hút giữ nước 5g bông giữ được ≥ 100 gram nước, tốc độ chìm $\leq 8s$, chất tan trong nước không quá 0,5%. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001:2015; ISO 13485:2016.	Kg	650
23	Chạc ba ngã, khóa ba ngã truyền dịch có dây nối	1. Thông số kỹ thuật: - Chạc 3 dịch truyền có dây nối 10cm để kết nối đường truyền tĩnh mạch. - Chất liệu: Thân chạc 3 chất liệu Polycarbonate; Cổng tiêm truyền chất liệu HD-Polyethylene; Trục: chất liệu Polycarbonate; Nút chặn: chất liệu Polypropylene; Nắp bảo vệ: chất liệu LD-polyethylene; Núm vặn: chất liệu MD-Polyethylene. 2. Tính năng, công nghệ: - Thân chạc 3 có khóa xoay 360 độ thuận tiện. - Thể tích đuôi khí: 0,8ml. - Sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn giới hạn đặc biệt không có rò rỉ dịch ở mức 300kPa (hoặc 44psi) trong 30 giây ở 23 độ C, cho phép thực hiện với các tất cả các loại dịch truyền thông thường và các loại dịch truyền lipid hoặc các loại thuốc chống ung thư mà không nứt vỡ. - Tiệt khuẩn bằng tia xạ vật lý E-beam (Beta). Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	4.600

STT	Tên vật tư y tế (hoặc tương đương)	Yêu cầu về tính năng và kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vi tính	Số lượng
24	Chạc ba ngã, khóa ba ngã truyền dịch không dây nối	1. Thông số kỹ thuật: - Chạc 3 dịch truyền không dây dùng để kết nối đường truyền tĩnh mạch. - Thân chạc 3 chất liệu Polycarbonate. - Cổng tiêm truyền: chất liệu HD-Polyethylene; Trục: chất liệu Polycarbonate; Nút chặn: chất liệu Polypropylene; Nắp bảo vệ: chất liệu LD-polyethylene; Núm vặn: chất liệu MD-Polyethylene. 2. Tính năng, công nghệ: - Chạc 3 có khóa xoay 360 độ thuận tiện. - Thể tích đuôi khí 0,22ml. - Sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn giới hạn đặc biệt không có rò rỉ dịch ở mức 300kPa (hoặc 44psi) trong 30 giây ở 23°C, cho phép thực hiện với các tất cả các loại dịch truyền thông thường và các loại dịch truyền lipid hoặc các loại thuốc chống ung thư mà không nứt vỡ. - Tiệt khuẩn bằng tia xạ vật lý E-beam (Beta). Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	1.300
25	Chỉ khâu tiêu chậm, loại Chromic Catgut, số 4/0, dài 75 cm, kim tam giác 16 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut, làm từ collagen tinh khiết, sợi chắc, mềm dễ uốn. - Kích thước: số 4/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 16 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ vô trùng có tẩm muối Chrome, được làm từ sợi collagen thiên nhiên tinh khiết, giữ vết khâu tốt nhất trong vòng từ 14 đến 21 ngày. - Thời gian tan hoàn toàn (bởi tác động enzyme) trong vòng 90 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ - Duy trì sức căng: 50% sau 2 tuần. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	528

STT	Tên vật tư y tế (hoặc tương đương)	Yêu cầu về tính năng và kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vi tính	Số lượng
26	Chỉ khâu tiêu chậm, loại đơn sợi Polydioxanone, số 5/0 dài 90 cm, 2 kim tròn dài 17 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone số 5/0 dài 90cm. - 2 kim tròn đầu tròn dài 17mm 1/2 vòng tròn, bằng hợp kim thép Ethalloy chắc khỏe, chống cong gãy gồm niken, titan, chromium, molybden 3-4% và sắt, giới hạn độ bền kéo > 2,750 MPa (có chứng nhận bởi tổ chức độc lập), đường kính kim < 0,36mm, được phủ bởi lớp silicone cải tiến. - Lực giữ vết mổ 60% sau 2 tuần - 40% sau 4 tuần - 35% sau 6 tuần, thời gian tan hoàn toàn 182 - 238 ngày. - Đóng gói vòng trong khay nhựa tối thiểu nhớ hình, bên ngoài là màng nhôm. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Tép	48
27	Chỉ khâu tiêu, loại đa sợi Polyglactin 910, số 6/0, chỉ dài 70 cm, kim tròn 1/2 vòng tròn HR 13 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin 910, được cấu thành từ một copolymer có thành phần gồm 90% glycolide và 10% L-lactide, được phủ Polyglactin 370 và Calcium stearate - Kích thước: số 6/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 13 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 30 ngày. Duy trì sức căng > 65% sau 14 ngày, tan hoàn toàn 56-70 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. - Kim thép Ethalloy chắc khỏe, chống cong gãy gồm niken, titan, chromium, molybden 3-4% và sắt, giới hạn độ bền kéo > 2.750 MPa (có chứng nhận bởi tổ chức độc lập) 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Tép	720
28	Chỉ khâu tiêu, loại đơn sợi Polydioxanone số 6/0 dài 45 cm, kim tròn đầu tròn plus dài 13 mm, 1/2C	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ đơn sợi Polydioxanone. - 1 kim bằng hợp kim Ethalloy, được phủ bởi lớp silicone. - Chỉ số 6/0 dài 45cm, kim dài 13mm 1/2 vòng tròn. - 1 kim tròn đầu tròn Taper Point Plus RB-2, vùng kẹp kim phẳng và có rãnh giúp giữ chặt kim khi thao tác.	Tép	84

STT	Tên vật tư y tế (hoặc tương)	Yêu cầu về tính năng và kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vi tính	Số lượng
		- Lực giữ vết mổ 60% sau 2 tuần - 40% sau 4 tuần - 35% sau 6 tuần. - Thời gian tan hoàn toàn 182 - 238 ngày. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.		
29	Chỉ không tan tự nhiên silk số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2C, dài 26 mm.	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tự nhiên silk - Kích thước: số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ chiết xuất từ kén tằm Bombyx Mori, có tráng phủ một lớp sáp (wax) hoặc silicon. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	168
30	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại đa sợi silk, số 2/0, dài 75 cm, kim tam giác 1/2c, dài 24 mm.	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Đa sợi silk, kim làm bằng thép không gỉ AISI 302 , đạt tiêu chuẩn vật liệu F899-12B, độ cứng tối thiểu 662 HV - Kích thước: Số 2/0 dài 75cm, kim tam giác 1/2 C 24mm 2. Tính năng, công nghệ: - Tiệt trùng. - Đóng gói 2 lớp, chỉ được bảo quản trong rãnh giấy có tỷ trọng 152 GSM 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Tép	192
31	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại đơn sợi Polyamide 6,6, số 3/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C 26mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Không tan đơn sợi polyamide 6,6, kim làm bằng thép không gỉ AISI 302 , đạt tiêu chuẩn vật liệu F899-12B, độ cứng tối thiểu 662 HV - Kích thước: Số 3/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C 26mm - Đóng gói 2 lớp, chỉ được bảo quản trong rãnh giấy có tỷ trọng 152 GSM	Tép	1.764

STT	Tên vật tư y tế (hoặc tương)	Yêu cầu về tính năng và kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vi tính	Số lượng
		2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)		
32	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại đơn sợi Polyamide 6,6, số 4/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C 19mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Không tan đơn sợi polyamide 6,6, kim làm bằng thép không gỉ AISI 302 , đạt tiêu chuẩn vật liệu F899-12B, độ cứng tối thiểu 662 HV - Kích thước: Số 4/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C 19mm 2. Tính năng, công nghệ: Đóng gói 2 lớp, chỉ được bảo quản trong rãnh giấy có tỷ trọng 152 GSM và tiệt trùng bằng Ethylene Oxide 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Tép	2.712
33	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại đơn sợi Polyamide 6,6, số 5/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C 16mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polyamide 6.6 - Kích thước: số 5/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 16 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi vô trùng được làm từ polyamide 6.6, Sợi chỉ tròn đều, co giãn tốt, mềm dẻo, dễ uốn, dễ thắt nút. Giữ vết khâu an toàn, không có hiện tượng mao dẫn, ít gây kích ứng mô. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	1.032

STT	Tên vật tư y tế (hoặc tương đương)	Yêu cầu về tính năng và kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vi tính	Số lượng
34	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại đơn sợi Polyamide 6,6, số 6/0 dài 45cm, kim tam giác 3/8C 12mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polyamide 6.6 - Kích thước: số 6/0 dài 45cm, kim tam giác 3/8c, dài 12mm 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi vô trùng được làm từ polyamide 6.6, Sợi chỉ tròn đều, co giãn tốt, mềm dẻo, dễ uốn, dễ thắt nút. Giữ vết khâu an toàn, không có hiện tượng mao dẫn, ít gây kích ứng mô. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	84
35	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại silk, số 3/0 dài 75cm, kim tròn 1/2C dài 26mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ phẫu thuật không tiêu tự nhiên Silk (tơ tằm/chất liệu protein hữu cơ (fibroin)) - 1 kim, đa sợi. Đường kính 3/0, dài 75 cm, phủ Wax / Silicon, màu đen; - Kim làm bằng thép không gỉ Martensitic 420 (AISI 420) tráng gương hoặc tương đương. Kim không mắt. Đầu tròn, dài 26 mm, bán kính cong kim 1/2C; - Lực kéo đứt khi thắt nút (Lực căng của chỉ) tối thiểu 9 Newton (có thể vượt đến 250% so với yêu cầu của USP); - Lực liên kết giữa kim và chỉ tối thiểu 6,8 Newton (có thể vượt đến 140% so với yêu cầu của USP). 2. Tính năng, công nghệ: - Kim Premium, công nghệ U-filo hoặc tương đương; - Đóng gói riêng biệt từng sản phẩm; - Bao bì đạt về chỉ tiêu hàm lượng kim loại nặng theo chuẩn 94/62/EC; - Sản phẩm được tiệt trùng bằng Ethylene Oxide 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001:2015, ISO 13485:2016, ISO 14001:2015	Sợi	248

STT	Tên vật tư y tế (hoặc tương đương)	Yêu cầu về tính năng và kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vi tính	Số lượng
36	Chi phẫu thuật không tiêu, loại silk, số 4/0 dài 75 cm, kim tròn 1/2c dài 26mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ phẫu thuật không tiêu tự nhiên Silk (tơ tằm/chất liệu protein hữu cơ (fibroin)) - 1 kim, đa sợi. Đường kính 4/0, dài 75 cm, phủ Wax / Silicon, màu đen; - Kim làm bằng thép không gỉ Martensitic 420 (AISI 420) sáng gương hoặc tương đương. Kim không mất. Đầu tròn, dài 26 mm, bán kính cong kim 1/2C; - Lực kéo đứt khi thắt nút (Lực căng của chỉ) tối thiểu 5 Newton (có thể vượt đến 250% so với yêu cầu của USP); - Lực liên kết giữa kim và chỉ tối thiểu 4,5 Newton (có thể vượt đến 140% so với yêu cầu của USP). 2. Tính năng, công nghệ: - Kim Premium, công nghệ U-filo hoặc tương đương; - Đóng gói riêng biệt từng sản phẩm; - Bao bì đạt về chỉ tiêu hàm lượng kim loại nặng theo chuẩn 94/62/EC; - Sản phẩm được tiệt trùng bằng Ethylene Oxide. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001:2015, ISO 13485:2016, ISO 14001:2015	Tép	216
37	Chi phẫu thuật không tiêu, loại Sterisil (Silk), số 3/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C 18mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tự nhiên silk - Kích thước: số 3/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 18 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ chiết xuất từ kén tằm Bombyx Mori, có tráng phủ một lớp sáp (wax) hoặc silicon. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	400

STT	Tên vật tư y tế (hoặc tương đương)	Yêu cầu về tính năng và kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vi tính	Số lượng
38	Chỉ phẫu thuật tiêu, loại đa sợi Polyglactin 910 phủ chất kháng khuẩn, số 1, kim tròn 1/2 vòng tròn, dài 90cm, dài 40mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Đa sợi Polyglactin 910, được bọc bởi 50% polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate, có chất kháng khuẩn Triclosan (5-chloro-2-(2,4-dichlorophenoxy)phenol), kim bằng thép Ethalloy có phủ silicone - Kích thước: Số 1 dài 90cm, kim tròn đầu tròn CT, dài 40mm 1/2 vòng tròn 2. Tính năng công nghệ: Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn: 56 - 70 ngày. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Tép	504
39	Chỉ phẫu thuật tiêu, loại đa sợi polyglactin 910, số 2/0 dài 70 cm, kim tròn dài 26 mm, 1/2 vòng tròn.	1. Thông số kỹ thuật: Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 có chất kháng khuẩn Triclosan số 2/0 dài 70cm, kim tròn đầu tròn dài 26mm 1/2 vòng tròn 2. Tính năng công nghệ: - Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, được bọc bởi 50% polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate, có chất kháng khuẩn Triclosan với nồng độ $\leq 472\mu\text{g/m}$, - số 2/0 dài 70cm, kim tròn đầu tròn SH bằng hợp kim thép Ethalloy chắc khỏe, chống cong gãy gồm niken, titan, chromium, molybden 3-4% và sắt, giới hạn độ bền kéo $> 2.750 \text{ MPa}$ (có chứng nhận bởi tổ chức độc lập), đường kính kim $< 0.69\text{mm}$, thân kim đẹp và vùng kẹp kim phẳng và có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giữ kim linh hoạt không xoay kim, có phủ silicone cải tiến, dài 26mm 1/2 vòng tròn. - Đóng gói vòng trong khay nhựa tối thiểu nhớ hình, bên ngoài là màng nhôm. - Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn: 56 - 70 ngày. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Tép	756

STT	Tên vật tư y tế (hoặc tương)	Yêu cầu về tính năng và kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vi tính	Số lượng
40	Chỉ phẫu thuật tiêu, loại đa sợi Polyglactin 910, số 3/0 dài 75cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm	1. Thông số kỹ thuật: Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 có chất kháng khuẩn Triclosan số 3/0 dài 70cm, kim tròn đầu tròn dài 26mm 1/2 vòng tròn 2. Tính năng công nghệ: - Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, được bọc bởi 50% polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate, có chất kháng khuẩn Triclosan với nồng độ $\leq 472\mu\text{g/m}$, - số 2/0 dài 70cm, kim tròn đầu tròn SH bằng hợp kim thép Ethalloy chắc khỏe, chống cong gãy gồm niken, titan, chromium, molybden 3-4% và sắt, giới hạn độ bền kéo $> 2.750 \text{ MPa}$ (có chứng nhận bởi tổ chức độc lập), đường kính kim $< 0.61 \text{ mm}$, thân kim đẹp và vùng kẹp kim phẳng và có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giữ kim linh hoạt không xoay kim, có phủ silicone cải tiến, dài 26mm 1/2 vòng tròn. - Đóng gói vòng trong khay nhựa tối thiểu nhớ hình, bên ngoài là màng nhôm. - Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn: 56 - 70 ngày. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Sợi	288
41	Chỉ phẫu thuật tiêu, loại đa sợi polyglactin 910, số 5/0 dài 75cm, kim tròn 1/2 C dài 17mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin 910, được cấu thành từ một copolymer có thành phần gồm 90% glycolide và 10% L-lactide, được phủ Polyglactin 370 và Calcium stearate - Kích thước: số 5/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 17 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 30 ngày. Duy trì sức căng $> 65\%$ sau 14 ngày, tan hoàn toàn 56-70 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 10993 về tương thích sinh học: không gây độc tính tế bào, không gây kích ứng hay mẫn cảm dưới da, không gây sốt, không gây đột biến (gen) và không chứa độc tính di truyền. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, US-FDA 510(k) chứng minh tương đương Vicryl,	Tép	324

STT	Tên vật tư y tế (hoặc tương đương)	Yêu cầu về tính năng và kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vi tính	Số lượng
		CFG (Hoa Kỳ)		
42	Chỉ phẫu thuật tiêu, loại đa sợi polyglycolic acid, số 4/0, dài 75cm, kim tròn 1/2 dài 17mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglycolic acid, phủ Poly(epsilon-caprolactone) và Calcium Stearate - Kích thước: số 4/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 17 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 30 ngày. Thời gian tan hoàn toàn (phân hủy bởi quá trình thủy phân) từ 60 đến 90 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. - Duy trì sức căng: 60-75% sau 2 tuần, 40-50% sau 3 tuần, 25% sau 4 tuần - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001	Sợi	108
43	Chỉ phẫu thuật tiêu, loại đơn sợi Polydioxanone, số 7/0 dài 45cm, 2 kim tròn đầu tròn 13mm, 3/8C	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ đơn sợi Polydioxanone , 2 kim bằng hợp kim Ethalloy, được phủ bởi lớp silicone - Kích thước: Chỉ số 7/0 dài 45cm, 2 kim dài 13mm 3/8 vòng tròn 2. Tính năng công nghệ: 2 kim tròn đầu tròn C, vùng kẹp kim phẳng và có rãnh giúp giữ chặt kim khi thao tác, lực giữ vết mổ 60% sau 2 tuần - 40% sau 4 tuần - 35% sau 6 tuần, thời gian tan hoàn toàn 182 - 238 ngày. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Tép	24

STT	Tên vật tư y tế (hoặc tương)	Yêu cầu về tính năng và kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vi tính	Số lượng
44	Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut số 3/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2C dài 26 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut, làm từ collagen tinh khiết, sợi chắc, mềm dễ uốn. - Kích thước: số 3/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ vô trùng có tẩm muối Chrome, được làm từ sợi collagen thiên nhiên tinh khiết, giữ vết khâu tốt nhất trong vòng từ 14 đến 21 ngày. - Thời gian tan hoàn toàn (bởi tác động enzyme) trong vòng 90 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ - Duy trì sức căng: 50% sau 2 tuần. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	60
45	Dao phẫu thuật các loại các số	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Bằng thép không gỉ. - Kích thước: - Lưỡi dao số 10: chiều cao lưỡi: 5.2mm-6.5mm, độ dài lưỡi cong: 24.0mm-26.5mm, độ dài lưỡi: 38.0mm-40.5mm. - Lưỡi dao số 11: chiều cao lưỡi: 5.3mm-6.2mm; độ dài lưỡi vác: 19-19.5mm, độ dài lưỡi: 39.1mm - 41.5mm. - Lưỡi dao số 12: chiều cao lưỡi 8.0mm-11.1mm, độ dài lưỡi cong: 12.0mm-15.5mm, độ dài lưỡi: 35.0mm-37.2mm - Lưỡi dao số 15: chiều cao: 2.8mm-4.0mm, độ dài vác cong: 9.0mm-11.5mm; chiều dài lưỡi: 35.0-37.5mm. - Lưỡi dao số 20: chiều cao lưỡi: 7.6mm-9.1mm, độ dài vác cong: 27.0mm-28.5mm, độ dài lưỡi: 44.4mm - 46.4mm. - Lưỡi dao số 21: chiều cao lưỡi: 7.6mm - 9.2mm, độ dài vác cong: 32.0mm-34.1mm, độ dài vác cong: 50.1mm-52.1mm. - Độ dày: 0,38mm - Độ cứng: 680-740 HV - Góc đầu lưỡi dao: 22° cho lưỡi dao số 11 - Rãnh cán lưỡi dao: 17,75mm cho số 10, 11 & 15	Cái	7.600

STT	Tên vật tư y tế (hoặc tương đương)	Yêu cầu về tính năng và kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vi tính	Số lượng
		- Đóng gói tiệt trùng phương pháp chiếu xạ Gamma. - Đóng gói : Nhôm và màng nhựa. 2. Tính năng, công nghệ: Tiệt trùng phương pháp chiếu xạ Gamma. Thiết kế cân đối, mềm dẻo, rất sắc bén, gắn vào cán dễ dàng. Thao tác thuận tiện cho các phẫu thuật mắt, tai mũi họng, thẩm mỹ; tương thích với cán dao bằng tay. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ), ISO 13485		
46	Đầu đo SpO2 (sensor)	1. Tính năng, công nghệ: - Sử dụng đo nồng độ oxy trong máu trẻ sơ sinh - Đầu nối spo2 9 pin. - Quấn cố định bằng vải và keo. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	30
47	Dây cho ăn các cỡ (từ số 6 đến 18) dài 1,250 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Ống thông dạ dày các cỡ gồm 2 loại có nắp (gồm các cỡ 5Fr, 6Fr, 8 Fr, 10Fr) và không có nắp (12Fr,14Fr,16Fr,18Fr). - Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc. 2. Tính năng, công nghệ: Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). 3. Tiêu chuẩn chất lượng: EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485, được sản xuất tại Việt Nam.	Sợi	6.800
48	Dây garo	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Thun cotton. 2. Tính năng, công nghệ: Có khóa nhựa. Dùng thắt	Cái	200

STT	Tên vật tư y tế (hoặc tương)	Yêu cầu về tính năng và kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vi tính	Số lượng
		mạch. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485		
49	Dây gây mê 2 nhánh dùng cho người lớn, trẻ em, sơ sinh	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Nhựa y tế, không latex. - Kích cỡ: Dài 1,5m. 2. Tính năng, công nghệ: - Dây gây mê kết hợp với thiết bị gây mê dùng trong cấp cứu, phẫu thuật. - Dây gây mê dạng sóng 2 nhánh, dài 1,5m. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Bộ	135
50	Dây hút đàm có nắp các số 5-18	1. Thông số kỹ thuật: - Các số: 5, 6, 8, 10, 12, 14, 16, 18. - Sản phẩm được kết cấu 02 phần. - Khóa van và dây dẫn. - Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh không chứa DEHP, nhựa trong, nhãn bóng tránh gây tổn thương, xây xước niêm mạc. - Đầu dây hút có 2 mắt phụ để hút. - Dây có độ dài ≥ 55 cm. - Khóa van chia nhiều màu để phân biệt giữa các số, có 2 loại có nắp và không nắp. - Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: EN ISO 11135: 2014 (tiệt trùng), ISO 13485, CE (Châu Âu), được sản xuất tại Việt Nam.	Cái	15.000
51	Dây nối bơm tiêm điện 140cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: nhựa PVC y tế cao cấp. - Kích thước: Dây dài 140cm. 2. Tính năng, kỹ thuật: hai đầu dây là khóa dạng xoắn luer lock, Dây chống xoắn, chịu áp lực, Không có chất DEHP, Không chứa latex. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	60.000

STT	Tên vật tư y tế (hoặc tương)	Yêu cầu về tính năng và kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vi tính	Số lượng
52	Dây nối máy bơm tiêm điện 140 cm	1. Thông số kỹ thuật: - Dây dài 140cm, được làm từ vật liệu nhựa y tế PVC cao cấp mềm dẻo, trong suốt. - Hai đầu dây là khóa dạng xoắn luer lock. Dây chống xoắn. Thể tích mỗi 0,9ml. - Đường kính dây ID 0,9mm x OD 1,9mm, chịu áp lực 3,5 bar. - Không có chất DEHP thay thế bằng DOTP an toàn. - Thử nghiệm hóa học lượng tồn dư kim loại nặng <1ppm, $KMnO_4 \leq 0,6ml$. - Chịu lực kéo dẫn 15N. - Bao bì đóng gói thân thiện môi trường (một mặt dùng chất liệu CPP và một mặt giấy lọc khuẩn) có đánh dấu vị trí mở bao, an toàn trước sử dụng. Hạn sử dụng được in trên bao bì sản phẩm. - Tiệt trùng bằng EO gas. - Sản phẩm phù hợp với ISO 8536-4. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), EN-ISO 13485:2016.	Cái	16.000
53	Dây oxy 2 nhánh các cỡ	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: PVC. - Kích thước: Dây dài 2m. 2. Tính năng công nghệ: - Các cỡ người lớn, trẻ em, sơ sinh. - Tiệt trùng. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: được sản xuất tại Việt Nam, ISO 13485.	Cái	3.400
54	Dây thở 2 bể nước	1. Thông số kỹ thuật: - Khóa xoay luer lock 90 độ (22M/15F-15M): 01 chiếc. - Co nối Y có công lấy mẫu đo CO₂ (22M/15F-22M): 01 chiếc. - Ống dây vật liệu PE-EVA đường kính 15mm; 22mm. Chiều dài 80cm: 04 đoạn hoặc 5 đoạn. - Co nối thẳng (22F-22M): 04 chiếc hoặc 06 chiếc (5 đoạn). - Co nối thẳng (22M-22M/15F): 01 chiếc (5đoạn). - Bể nước (22M): 02 chiếc. 2. Tính năng, công nghệ: Sử dụng cho trẻ em 4 đoạn hoặc 5 đoạn. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	160

STT	Tên vật tư y tế (hoặc tương)	Yêu cầu về tính năng và kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vi tính	Số lượng
55	Dây truyền dịch dài 180 cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu PVC, không có chất phụ gia DEHP, thay thế bằng DEHT an toàn. - Chiều dài dây 180cm. - Đường kính trong dây: 3,0 mm. đường kính ngoài 4,1 mm. 2. Tính năng công nghệ: - Có bầu đếm giọt 2 ngăn cứng- mềm. - Chịu được áp lực đến 2 bar. thể tích mỗi dịch 23.140ml - Màng lọc dịch 15 µm. - Màng lọc tại van thông khí cấu tạo bằng sợi thủy tinh ,có chức năng lọc đến 99,99999% và virus đến 99,99964 % vi khuẩn và virus. Van thông khí chịu áp lực đến 0,2 bar đảm bảo hệ thống kín (có chứng nhận bên thứ 3 ngăn cản sự xâm nhập của vi khuẩn) - Đầu khóa vặn xoắn Luer Lock. - Bộ điều chỉnh tốc độ với rãnh chữ U, bánh xe/con lăn di chuyển dễ dàng với phạm vi hoạt động con lăn >=23,5 mm có thể chỉnh tốc độ nhỏ giọt thấp (6 lần nhỏ giọt / phút) dễ dàng. Có khe cài dây và cắm đầu nhọn. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu); EN ISO 8536, EN ISO 10993-1, ISO 11607-1	Cái	15.000
56	Dây truyền dịch đếm giọt có bầu pha thuốc 150ml	Dây truyền dịch có bầu pha thuốc • Đầu nhọn (spike) sắc bén có lỗ thông khí • Bầu pha thuốc trong suốt, hình trụ hình trụ, được chia vạch rõ ràng để đo thể tích chính xác • Cổng khí trên đầu nhọn (spike) có khả năng ngăn vi khuẩn. • Van tự động ngắt ngăn không khí đi vào khi buồng burette đã hết dịch. • Van tự động ngắt đồng thời cho biết mức dịch • Tốc độ truyền 60 giọt/ ml, màng lọc chất lỏng 15 micron trong buồng nhỏ giọt • Dây PVC mềm, chống xoắn vặn • Đường kính ống dây: ID 3 mm & OD 4.1 mm • Chiều dài dây: 150 cm • Bầu pha thuốc: 150ml • Cổng tiêm “Y”, khóa Luer, có kim • Phao nổi Silicon • Không chứa DEHP, Latex	Sợi	200

STT	Tên vật tư y tế (hoặc tương đương)	Yêu cầu về tính năng và kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vi tính	Số lượng
		• Tiệt trùng bằng khí EO. • TCCL ISO, CE		
57	Dây truyền máu dài 165cm kèm kim tiêm 21Gx1.5 inch,	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Ống P.V.C; Kim thép không gỉ 1Cr18Ni9Ti - Kích thước: Dây dài 165cm, Kích thước lỗ lọc 200µm. Đường kính sợi lọc: 0.1 - 0.01mm. Đường kính lỗ lọc 0.2 - 0.01 mm. Có sẵn kim tiêm 21Gx1,5 inch, 2. Tính năng, công nghệ: - Tỷ lệ tan máu < 5%, - Van thông khí có màng lọc giấy lọc y tế kỵ nước và nằm tại bầu lọc, khóa điều chỉnh dòng chảy, - Bầu nhỏ giọt có phin lọc máu, - Khả năng lọc $\geq 80\%$, Dòng chảy dây truyền ≥ 500 mL trong 10 phút (Dịch đường gluco 40%, Áp suất tĩnh 1m). Dòng chảy dây truyền ≥ 500 mL trong 2 phút , - Không rò rỉ khí với áp suất 100 kPa khí trong bộ truyền máu trong vòng 2 phút và áp suất 50 kPa khí trong bộ truyền máu trong vòng 15 giây, - Mỗi mối nối của một bộ truyền không bị bung ra ở lực 15N, - Đóng gói tiệt trùng EO một mặt giấy, một mặt nilon 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Sợi	3.000

STT	Tên vật tư y tế (hoặc tương đương)	Yêu cầu về tính năng và kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vi tính	Số lượng
58	Điện cực thăm dò điện sinh lý tim, điện tâm đồ dùng để theo dõi tim của bệnh nhân (hình oval, gel khô)	1. Thông số kỹ thuật: - Thiết kế hình Oval, kích thước 36x50 mm; - Điện cực Polymer Glass-filled ABS - Ag/AgCl, đường kính 10 mm; - Loại Gel khô; - Thời gian sử dụng: 48 giờ. 2. Tính năng, công nghệ: - Sử dụng được cho da nhạy cảm, chống khử rung tim; - Sản xuất bằng vật liệu đáp ứng tiêu chuẩn hạn chế các chất nguy hiểm trong các thiết bị điện và điện tử (RoHS Compliant); - Tuân thủ các quy định liên quan đến việc sử dụng các hóa chất độc hại, có ảnh hưởng đến con người và môi trường (REACH Compliant). 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; CE (Châu Âu). 4. Xuất xứ: G7.	Cái	30.600
59	Gạc dẫn lưu tiết trùng hút nước 1 cm × 200 cm × 4 lớp	1. Thông số kỹ thuật: - Gạc không dẹt hút nước và có độ thấm hút rất cao. - Kích thước: 1cm x 200cm x 4 lớp. 2. Tính năng công nghệ: - Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên. - Độ acid và độ kiềm: Đạt trung tính. - Tốc độ hút nước < 5s. - Không có tinh bột và Dextrin. - Có sợi cản quang. - Tiết trùng bằng khí EO-Gas. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Cuộn	500
60	Gạc lưới lipido- colloid, 15x20cm, và có khả năng co giãn	1. Thông số kỹ thuật - Chất liệu: Polyester + Vaseline - Kích thước 15cm x 20cm 2. Tính năng, công nghệ: - Gạc lưới Lipido-Colloid mắt lưới nhỏ 0,5mm ² , vô khuẩn. - Có khả năng co giãn Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; CE (Châu Âu)	Miếng	1.500

STT	Tên vật tư y tế (hoặc tương)	Yêu cầu về tính năng và kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vi tính	Số lượng
61	Gạc phẫu thuật 5cm x 6,5cm x 12lớp, tiệt trùng	1. Thông số kỹ thuật - Chất liệu: Dệt từ sợi 100% cotton - Kích thước: 5cm x 6,5cm x 12lớp 2. Tính năng, công nghệ: Gạc phẫu thuật không ẩm ướt, sợi chắc, mịn, không mùi, màu trắng đồng nhất, không có độc tố. Chỉ số sợi dọc 32s/1 và chỉ số sợi ngang 32s/1. Trọng lượng: 32g/m ² (± 5%) hoặc theo đơn hàng. Tốc độ hút nước ≤10s. Tiệt trùng bằng khí EO 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Miếng	433.000
62	Gạc phẫu thuật tiệt trùng cân quang 20 cm x 40 cm x 8 lớp	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Được dệt từ sợi cotton 100%. - Kích thước: 20cm x 40cm x 8 lớp. - Gạc y tế có chỉ số sợi dọc 32s/1 và chỉ số sợi ngang 32s/1; không được ẩm ướt, sợi chắc, mịn, không mùi; màu trắng tự nhiên, không dùng chất tạo màu trắng. - Trọng lượng: 32gam/1m ² ± 5%. - Tốc độ hút nước ≤ 10s. - Tiệt trùng bằng khí EO, có sợi cân quang. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	5.000
63	Găng tay vô trùng 1 chiếc dùng trong thủ thuật các cỡ	Thông số kỹ thuật: - Cao su tự nhiên mềm mại, độ bền cao. - Tiệt trùng, đóng gói từng chiếc. - Có phủ bột ngô chống dính. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Chiếc	2.000
64	Găng tay vô trùng dùng trong thủ thuật, phẫu thuật các loại, các cỡ	1. Thông số kỹ thuật: Dài 280mm, kích cỡ 6.5, 7.0, 7.5 2. Tính năng, công nghệ: Găng tay phẫu thuật tiệt trùng, có bột. Tiệt trùng bằng khí EO 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485, ISO 22000, CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Đôi	100.000
65	Găng tay y tế có bột, không tiệt trùng, các cỡ dài 240mm	1. Thông số kỹ thuật - Chất liệu: Cao su tự nhiên - Kích cỡ: Chiều dài tổng thể tối thiểu tất cả các số 240mm. - Chiều rộng: cỡ XS (76mm ± 3); S (84mm ± 3); M (94mm ± 3); L (105mm ± 3); XL (113mm ± 3). 2. Tính năng, công nghệ: Độ dày đầu ngón tay (min 0.08mm); độ dày lòng bàn tay (min 0.08mm); độ giãn dài tối thiểu trước lão hóa	Đôi	311.000

STT	Tên vật tư y tế (hoặc tương đương)	Yêu cầu về tính năng và kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vi tính	Số lượng
		(650%) và độ dẫn dài tối thiểu sau lão hóa (500%). 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485, ISO 22000, CFG-FDA (Hoa Kỳ)		
66	Gel bôi trơn âm đạo	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Sản xuất từ nước, hydroxyl ethyl cellulose, glycerin, sodium benzoate - Quy cách đóng gói: 82 g/tuýp (80 ml/tuýp) 2. Tính năng, công nghệ: - Thuộc dạng tan trong nước, được dùng trong nội soi dạ dày, nội soi đại tràng, nội soi trực tràng, bôi trơn ống thông tiểu, thông hậu môn, bôi trơn âm đạo, - Màu sắc: không màu. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Tube	90
67	Gel điện não	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polyoxyethylene 20 Cetyl Ether, Water, Glycerin, Calcium Carbonate, 1,2 Propanediol, Potassium Chloride, Gelwhite, Sodium Chloride, Polyxyethylene 20 Sorbitol, Methylparaben, Propylparaben. - Trọng lượng: 8oz (228g). - Màu sắc trắng; Dạng gel. - Tăng độ nhạy trong đo dẫn truyền thần kinh. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Lọ	15
68	Gel siêu âm	1. Thông số kỹ thuật - Chất liệu: Thành phần chính : Water, Propylen glycol, Hydroxyl ethyl cellulose, glycerin, sodium benzoate - Độ pH : $6,5 \pm 0,75$ 2. Tính năng, công nghệ: - Ngoại quan : Gel trong suốt, không màu hoặc màu xanh, không mùi. Độ tan trong nước: Tan trong nước và dễ dàng rửa sạch bằng nước thường. Giới hạn nhiễm khuẩn : Mẫu thử không có sự hiện diện của các vi sinh sau : Staphylococcus aureus Pseudomonas aeruginosa,	Lít	190

STT	Tên vật tư y tế (hoặc tương)	Yêu cầu về tính năng và kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vi tính	Số lượng
		Tổng số nấm trong 1g(ml) mẫu thử, nhỏ hơn 10 ¹ (CFU/g hoặc CFU/ml) Tổng số vi sinh vật hiếm khí trong 1g(ml): nhỏ hơn 10 ² (CFU/g hoặc CFU/ml) 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001:2015, ISO13485:2016, CE (Châu Âu)		
69	Hộp đựng vật sắc nhọn y tế 1,5 lít	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Nhựa PE, PVC chính phẩm. - Dung tích 1,5 lít. - Chiều dày (mm): 1,0 ± 0,2; chiều dài đáy (mm): 99 ± 2; chiều rộng đáy (mm): 99 ± 2; chiều cao bình (mm): 192 ± 2. - Nắp bình (mm) (đường kính x chiều cao): Nắp trong (90 x 7,8) ± 2; Nắp ngoài (94 x 7,2) ± 2. - Hộp bằng nhựa PE chắc chắn màu vàng, có nắp màu đỏ đựng các vật sắc nhọn trong y tế không bị rò rỉ, vừa đủ cứng để không bị thủng hay rơi vãi rác thải rắn khi sử dụng. - Trên thân và nắp bình có logo cảnh báo độc hại, theo đúng quy định của Bộ Y tế. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Cái	4.400
70	Hộp đựng vật sắc nhọn y tế 6,8 lít	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Nhựa PE, PVC chính phẩm. - Dung tích 6,8 lít. - Chiều dày (mm): 1,0 ± 0,2; chiều dài đáy (mm): 227 ± 2; chiều rộng đáy (mm): 136 ± 2; chiều cao bình (mm): 310 ± 2. - Nắp bình (mm) (đường kính x chiều cao): Nắp trong: (90 x 7,8) ± 2; Nắp ngoài (94 x 7,2) ± 2. - Hộp bằng nhựa PE chắc chắn màu vàng, có nắp màu đỏ đựng các vật sắc nhọn trong y tế không bị rò rỉ, vừa đủ cứng để không bị thủng hay rơi vãi rác thải rắn khi sử dụng. - Trên thân và nắp bình có logo cảnh báo độc hại, theo đúng quy định của Bộ Y tế. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Cái	1.400

STT	Tên vật tư y tế (hoặc tương)	Yêu cầu về tính năng và kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vi tính	Số lượng
71	Khẩu trang 3 lớp tiệt trùng	1. Thông số kỹ thuật: - Khẩu trang 3 lớp: 2 lớp ngoài bằng vải không dệt (mặt ngoài và mặt trong khẩu trang) là vải không dệt không thấm nước: 100% Olefin hoặc Polypropylene; 1 lớp giữa là giấy lọc: màng vi lọc 2. Tính năng, công nghệ: Dây đeo: làm bằng thun: kích thước 17cm -> 18cm, gọng nhựa. Hiệu suất lọc không nhỏ hơn 90%, Trở lực hô hấp không lớn hơn 9 mmH₂O; Được tiệt trùng bằng khí EO và đóng gói riêng biệt từng cái (gói 1 cái). 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001:2015, ISO 13485:2017	Cái	31.500
72	Khẩu trang 4 lớp kháng khuẩn	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: vải PP không dệt - Khẩu trang 4 lớp 2. Tính năng, công nghệ: Khẩu trang y tế 4 lớp kháng khuẩn có gọng mũi, thun đeo tai ISO 9001:2015, ISO 13485:2017	Cái	314.000
73	Kim cánh bướm 23G	1. Thông số kỹ thuật: - Kim bằng vật liệu thép không gỉ. - Bộ kim cánh bướm, cỡ 23G, 25G. Dây dẫn bằng chất liệu nhựa nguyên sinh PVC, dài ≥30cm, đường kính ngoài $2.2 \pm 0.05\text{mm}$, tiết diện $0.3 \pm 0.02\text{mm}$, không DEHP. - Đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh, không có gờ, có nắp chụp. Có đầu kết nối Luer lock. 2. Tính năng, công nghệ: Bao bì có tính năng thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), ISO 11135, EN ISO 13485, được sản xuất tại Việt Nam.	Cái	27.000
74	Kim tiêm sử dụng một lần	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: kim bằng kim loại không gỉ 2. Tính năng, công nghệ: - Đâm lấy mẫu máu làm xét nghiệm. - Sắc bén và không gây kích ứng Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cây	144.000

STT	Tên vật tư y tế (hoặc tương)	Yêu cầu về tính năng và kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vi tính	Số lượng
75	Kim lòn tĩnh mạch an toàn cỡ 20G, 1,1 x 32MM-AP	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu FEP-Teflon. - Catheter nhựa Có 4 đường cân quang ngầm, Đầu catheter không vượt quá mặt vát kim và khoảng cách không vượt quá 0.4mm - Cỡ 20G. Đường kính và độ dài catheter: 1,1mm x 32mm. Thể tích mỗi $\leq 0,106\text{ml}$ 2. Tính năng công nghệ: - Có đầu bảo vệ bằng kim loại dạng lò xo gồm 2 cánh tay tròn bắt chéo nhau; - Đầu kim 3 mặt vát (1 mặt vát trên hai mặt vát dưới tạo độ sắc và tạo vết cắt trên da hình chữ V giúp mau lành vết đâm); - Màng kỹ nước chống máu tràn ra khi thiết lập đường truyền; - Kim lòn G20 có cánh, không cửa, tốc độ chảy tối thiểu 60ml/phút. Chịu được áp lực đến 325psi. - Có cơ chế trào máu 2 lần (double flash back) giúp xác định chính xác kim và ống thông vào đúng mạch máu . 3. Tiêu chuẩn chất lượng: Tiêu chuẩn chất lượng: CE MDR Và FDA 510K	Cái	200
76	Kim lòn tĩnh mạch an toàn cỡ 22G, độ dài 0,9 x 25 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu FEP-Teflon. - Catheter nhựa Có 4 đường cân quang ngầm, Đầu catheter không vượt quá mặt vát kim và khoảng cách không vượt quá 0.4mm (độ dài càng nhỏ, càng dễ lòn kim, lực tác động tối ưu và độ xuyên da dễ dàng, ít đau). - Cỡ 22G: Đường kính và độ dài catheter: 0.9mm x 25mm. Thể tích mỗi $\leq 0,099\text{ml}$ 2. Tính năng công nghệ: - Có đầu bảo vệ bằng kim loại dạng lò xo gồm 2 cánh tay tròn bắt chéo nhau; - Đầu kim dẫn đường 3 mặt vát (1 mặt vát trên hai mặt vát dưới tạo độ sắc và tạo vết cắt trên da hình chữ V giúp mau lành vết đâm); - Màng kỹ nước chống máu tràn ra khi thiết lập đường truyền; - Kim lòn G22 có cánh, không cửa, tốc độ chảy tối thiểu 35ml/phút, Chịu được áp lực đến 325psi; - Có cơ chế trào máu 2 lần (double flash back) giúp xác định chính xác kim và ống thông vào	Cái	6.000

STT	Tên vật tư y tế (hoặc tương)	Yêu cầu về tính năng và kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vi tính	Số lượng
		đúng mạch máu. - Nút đẩy ở chuỗi kim dễ tháo rời 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE MDR Và FDA 510K		
77	Kim luồn tĩnh mạch an toàn cỡ 24G, độ dài 0,7 x 19 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu FEP-Teflon. - Catheter nhựa Có 4 đường cân quang ngấm, Đầu catheter không vượt quá mặt vát kim và khoảng cách không vượt quá 0.4mm (độ dài càng nhỏ, càng dễ luồn kim, lực tác động tối ưu và độ xuyên da dễ dàng, ít đau) - Cỡ 24G. Chiều dài catheter 19mm, đường kính 0,7mm. Thể tích mỗi ≤ 0,093ml. 2. Tính năng công nghệ: - Có đầu bảo vệ bằng kim loại dạng lò xo gồm 2 cánh tay tròn bắt chéo nhau; - Đầu kim dẫn đường 3 mặt vát (1 mặt vát trên hai mặt vát dưới tạo độ sắc và tạo vết cắt trên da hình chữ V giúp mau lành vết đâm); - Màng kỹ nước chống máu tràn ra khi thiết lập đường truyền; - Kim luồn G24 có cánh, không cửa, tốc độ dòng chảy tối thiểu 22ml/phút. Chịu được áp lực đến 325psi; - Có cơ chế trào máu 2 lần (double flash back) giúp xác định chính xác kim và ống thông vào đúng mạch máu. - Nút đẩy ở chuỗi kim dễ tháo rời 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE MDR và FDA 510k	Cái	50.000
78	Kim nha dài, ngắn 27G	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Kim làm bằng thép không gỉ SUS 304 - Cỡ 27G - Đường kính ngoài của kim 0,4-0,42 mm. Đường kính trong của kim 0,184 mm. Chiều dài mặt vát 1,8-2,2 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Kim 3 mặt vát, thành mỏng, bén nhưng vẫn chắc chắn giúp xuyên mượt mà không gây tổn thương. - Kháng lực xuyên da ≤ 55gf - Có ký hiệu trên đốc kim giúp định hướng mặt vát - Mã màu sắc dễ chọn lựa	Cái	8.100

STT	Tên vật tư y tế (hoặc tương)	Yêu cầu về tính năng và kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vi tính	Số lượng
		- Răng khóa được thiết kế chắc chắn khi vặn kim vào - Tiệt trùng EO/ EOG 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu)		
79	Lưỡi dao bào da	1. Thông số kỹ thuật: - Độ dày: 0,23 mm - Chiều rộng: 78 mm - Chiều sâu: 18 mm 2. Tính năng, công nghệ: dùng tương thích cho máy bào da Desoutter (vật tư không giới hạn theo hãng, miễn tương thích và đáp ứng đầy đủ đặc tính kỹ thuật nêu trên) Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	20
80	Mask thở oxy có túi người lớn, trẻ em các cỡ	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Được làm từ nhựa PVC. - Size: SX, S,M,L,XL. - Dây dẫn có chiều dài ≥ 2.1 m. 2. Tính năng, công nghệ: - Có túi hơi dự trữ oxy. - Ống hơi được mở an toàn. - Mặt nạ với dây treo đàn hồi. Kẹp mũi điều chỉnh được, ống 2.1m, được tiệt trùng và đóng gói riêng lẻ. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 5356-1.	Cái	120
81	Miếng dán điện cực trung tính (dạng đôi)	1. Thông số kỹ thuật: - Tấm điện cực trung tính, hình oval - Kích thước: 176 x 122 mm - Tổng diện tích tiếp xúc: 169 cm² - Tổng diện tích dẫn điện: 110 cm² - Trong 60 giây, nhiệt độ tăng $< 5^{\circ}\text{C}/350\text{mA}$ - Vật liệu nền: foam, chất kết dính: Hydrogel dẫn điện 2. Tính năng, công nghệ: - Sử dụng cho cả người lớn và trẻ em - Thiết kế hai tấm dẫn điện đan xen vào nhau, giảm sự tập trung điện tích hạn chế gây bỏng. - Sản xuất bằng vật liệu đáp ứng tiêu chuẩn hạn chế các chất nguy hiểm trong các thiết bị điện và điện tử (RoHS Compliant). - Tuân thủ các quy định liên quan đến việc sử	Cái	450

STT	Tên vật tư y tế (hoặc tương)	Yêu cầu về tính năng và kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vi tính	Số lượng
		dụng các hóa chất độc hại , có ảnh hưởng đến con người và môi trường (REACH Compliant) - Đóng gói tiệt trùng 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu). 4. Xuất xứ: G7		
82	Miếng dán phẫu thuật cỡ 30cm x 40cm	1. Thông số kỹ thuật: - Miếng dán phẫu thuật kháng khuẩn dùng che chắn phẫu trường. - Chất liệu: Màng polyurethane (8-15%), bảo vệ vết thương và ngăn cản các tác nhân bên ngoài khác xâm nhập vào vết thương (vi khuẩn $\varnothing > 27\text{nm}$); được phủ lớp keo acrylic $< 30\%$. - Kích thước tối thiểu 30cm x 40cm. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), ISO 13485.	Miếng	100
83	Mũi khoan răng	1. Thông số kỹ thuật: Chất liệu: Mũi mài kim cương 2. Tính năng, công nghệ: Mũi mài các loại: Thô, mịn. Vĩ 5 mũi 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cây	100
84	Nón phẫu thuật nữ tiệt trùng	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Vải không dệt Polypropylen - Vải không có mùi, không thấm nước. - Định lượng 15gsm. - Được tiệt trùng bằng khí EO. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	12.000
85	Nút chặn đuôi kim luồn (có hoặc không có heparin) các loại, các cỡ	- Nút chặn đuôi kim luồn có màng cổng tiêm, màng cổng tiêm làm bằng nhựa polyisoprene, bề mặt cổng tiêm là một mặt phẳng, không có góc chết, dễ dàng vệ sinh, mềm có độ đàn hồi rất tốt, không rò rỉ dịch khi tiêm thuốc. - Có đầu nối Luer lock vặn xoắn rất an toàn sử dụng nhựa PVC dùng trong y tế trong suốt giúp đóng đường truyền an toàn, bên ngoài có gờ chống trượt giúp đóng và tháo nút dễ dàng. - Nắp đậy đầu maler luer 6% bảo vệ Non DEHP. - Thể tích mỗi dịch 0.16ml. - Không chứa chất DEHP, không chứa Latex an toàn khi sử dụng. - Đóng gói từng cái riêng lẻ từng cái, một mặt	Cái	10.500

STT	Tên vật tư y tế (hoặc tương)	Yêu cầu về tính năng và kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vi tính	Số lượng
		dùng chất liệu PVC và một mặt giấy lọc khuẩn, có đánh dấu vị trí mở bao. Hạn sử dụng được in trên bao bì sản phẩm. - Tiệt trùng bằng EO chỉ thị màu đổi từ đỏ qua xanh được dán trên thùng hàng, phù hợp tiêu chuẩn ISO 11135. - Chất lượng sản phẩm phù hợp với ISO 8536-4 - Sản phẩm đạt chứng nhận EN ISO 13485:2016 - Tiêu chuẩn cơ sở: TCCS 05:2012		
86	Ống nội khí quản có bóng, các cỡ	1. Chất liệu: Nhựa PVC cấp độ y tế, mềm, trong suốt, không chứa DEHP/Latex. 2. Thông số, đặc tính kỹ thuật: đường kính trong - ID tính bằng mm: 3.0, 3.5, 4.0, 4.5, 5.0, 5.5, 6.0 mm và 6.5, 7.0, 7.5, 8.0, 8.5, 9.0 mm. Ống nội khí quản chất liệu PVC có bóng, các cỡ 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Sợi	2.400
87	Ống nội khí quản không bóng	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: PVC không chứa latex có độ nhạy cảm nhiệt cao, - Kích cỡ: số 2,0 đến 7,0, không bóng 2. Tính năng, công nghệ: Ống cong theo đường cong khí quản; mũi đầu ống bo tròn lại (hình mũi trâu) có dây cảm quang trên thân ống, có chia vạch, trên thân có 2 vạch đen gần đầu mũi. Tiệt trùng Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	900
88	Ống thông (catheter) động mạch quay	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polyurethane - Kích thước: 1 Catheter 2.5Fr / 3Fr, chiều dài 60mm, 1 dây dẫn đầu J nguyên liệu bằng Nitinol 250mm, 1 kim chọc 22G/20G dài 400mm, 1 nút chặn, thể tích mỗi 0.08ml, dòng chảy 12.4/24ml/phút 2. Tính năng, công nghệ: Catheter động mạch quay 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Bộ	150
89	Ống thông động tĩnh mạch rốn cho trẻ sơ sinh	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Catheter chất liệu PVC - Dài 37cm, cỡ 3,5 Fr - Tốc độ dòng truyền dịch >6ml/ phút 2. Tính năng, công nghệ: Tĩnh mạch rốn: Nuôi	Cái	450

STT	Tên vật tư y tế (hoặc tương)	Yêu cầu về tính năng và kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng
		đường, truyền dịch, truyền thuốc. Lấy máu tĩnh mạch, truyền máu và các chế phẩm máu. - Động mạch rốn: Lấy mẫu máu động mạch. Đo áp lực động mạch, đo pH và phân tích khí máu. Truyền dịch và thuốc. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: - CE và ISO 13485		
90	Ống thông hậu môn	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: PVC, không độc hại, không gây kích ứng. - Ống thông có cản quang hoặc không cản quang để xác định vị trí chụp X-Quang. - Thân ống mềm mại, trong suốt. - Chiều dài: 40cm. - Tiết trùng bằng khí OE. - Kích thước: Số 14, 16, 18, 20, 22, 24, 26, 28, 30. - Đóng gói tiết trùng từng sợi theo đơn vị nhỏ nhất. 2. Tính năng, công nghệ: Thông trực tràng cho bệnh nhân theo chỉ định của bác sĩ 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu)	Cái	1.000
91	Ống thông hậu môn các số 22-28	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Nhựa PVC nguyên sinh. - Gồm các số: 22, 24, 26, 28. - Dây dẫn dài 400mm. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016 , EN ISO 11135	Cái	300
92	Ống thông tạo đường truyền tĩnh mạch trung tâm từ ngoại biên -1Fr/28G	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: PUR - Cỡ 1Fr /28G, dài 20 cm. Tốc độ truyền dịch 0,7ml/phút - Tiêu chuẩn chất lượng: CE và ISO 13485	Cái	90
93	Ống thông tạo đường truyền tĩnh mạch trung tâm từ ngoại biên -24G/2Fr	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Silicone - Chiều dài 30cm, Cỡ 24G/2Fr 2. Tính năng, công nghệ: Tốc độ truyền dịch 3,0ml/phút 3. Tiêu chuẩn chất lượng: - CE và ISO 13485	Cái	10

STT	Tên vật tư y tế (hoặc tương đương)	Yêu cầu về tính năng và kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vi tính	Số lượng
94	Ống thông tiểu 2 nhánh (Foley) số 12-22 Fr	Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Cao su thiên nhiên, tráng phủ silicon. Van nhựa hoặc van cao su. - Mào được mã hóa để xác định kích thước Fr 12 đến Fr 22. - Chiều dài: 400mm. - Dung tích bóng: 10cc/30cc. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	400
95	Ống thông tiểu 2 nhánh (Foley) số 6- 10 Fr	Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Cao su thiên nhiên, tráng phủ silicon. Van nhựa hoặc van cao su. - Mào được mã hóa để xác định kích thước Fr 06 đến Fr 10. - Chiều dài: 270mm. - Dung tích bóng: 3cc/5cc. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	600
96	Phim khô laser cỡ 35x43cm	1. Thông số kỹ thuật - Kích cỡ: 35cm x 43cm; - Cấu tạo phim 4 lớp; + Lớp trên: 86% gelatin độ dày: 2,3 µm; + Lớp nền xanh: 100% polyethylene terephthalate; độ dày: 170 µm; + Lớp nhạy: 36% light sensitive agents; độ dày: 10,6 µm ; + Lớp dưới: 88% gelatin độ dày: 3,5 µm; Hoặc phim có cấu tạo tương đương, tương thích với các dòng máy in Drypix series & tự động nhận diện được số lượng phim. 2. Tính năng, công nghệ: - Phim khô kỹ thuật số công nghệ in laser; 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 9001 hoặc tương đương. 4. Xuất xứ: G7.	Tấm	8.000

STT	Tên vật tư y tế (hoặc tương đương)	Yêu cầu về tính năng và kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vi tính	Số lượng
97	Phim X-Quang khô laser cỡ 20x25cm	1. Thông số kỹ thuật - Kích cỡ: 20cm x 25cm; - Cấu tạo phim 4 lớp; + Lớp trên: 86% gelatin độ dày: 2,3 µm; + Lớp nền xanh: 100% polyethylene terephthalate; độ dày: 170 µm; + Lớp nhạy: 36% light sensitive agents; độ dày: 10,6 µm ; + Lớp dưới: 88% gelatin độ dày: 3,5 µm; Hoặc phim có cấu tạo tương đương, tương thích với các dòng máy in Drypix series & tự động nhận diện được số lượng phim. 2. Tính năng, công nghệ: - Phim khô kỹ thuật số công nghệ in laser; 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 9001 hoặc tương đương. 4. Xuất xứ: G7.	Tấm	2.000
98	Phim X-quang số hóa 20x25cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Phim được phủ nền Polyester 7-mil - Kích thước 20x25 cm 2. Tính năng, công nghệ Có thể nạp phim theo khay dưới ánh sáng thường, Phim chuẩn được nhuộm màu xanh, Phim có độ nhiễu thấp và mật độ đồng đều, Hình ảnh đạt tối đa 650 ppi (pixels per inch) với máy in tương thích Phù hợp với Máy in laser Trimax. Có thể lưu trữ phim được trên 100 năm 3. Tiêu chuẩn chất lượng: - ISO 13485 và FDA	Tấm	25.500
99	Phin lọc khuẩn (đo chức năng hô hấp) dùng tương thích cho máy	1. Thông số kỹ thuật: - Đường kính trong (ID): 29,5mm. - Đường kính ngoài (OD): 33,5mm. - Hiệu quả lọc khuẩn: $\geq 99,99\%$. - Trở lực dòng khí: $\leq 1,3\text{cm H}_2\text{O}$ ở 60L/phút. - Sử dụng cho người lớn và trẻ em. - Tiệt trùng bằng khí EO. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE Dùng tương thích cho máy đo chức năng hô hấp Vyntus IOS hiện có của bệnh viện (vật tư không giới hạn theo hãng, miễn tương thích và đáp ứng đầy đủ đặc tính kỹ thuật nêu trên)	Cái	1.000

STT	Tên vật tư y tế (hoặc tương)	Yêu cầu về tính năng và kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vi tính	Số lượng
100	Phin lọc vi khuẩn ba chức năng (dành cho người lớn, trẻ em)	1. Thông số kỹ thuật: - Màng lọc: Làm từ Polypropylene - Thể tích khí lưu thông: 200-1500ml. - Khoảng chết cơ học: 18 ml. - Hiệu quả lọc vi khuẩn đạt 99%-99.999% - Hiệu quả lọc virus đạt 99%-99.999% - Thiết kế có cổng lấy mẫu khí đo CO2 tiện lợi. - Kết nối (phía máy – phía bệnh nhân): 22F / 15M – 22M / 15F - Độ sụt áp: 30 L / phút (LPM): 1,2 hPa; 60 L / phút (LPM): 2,7 hPa; 90 L / phút (LPM): 4,6 hPa - Kết nối (phía máy – phía bệnh nhân): 22F / 15M – 22M / 15F 2. Tính năng, công nghệ: - Phin lọc khuẩn loại 3 chức năng, dùng cho người lớn (lọc khuẩn, giữ ẩm, giữ ấm) được làm từ nhựa y tế SBC. - Lọc theo cơ chế cơ học và tĩnh điện (electrostatic), lọc 2 chiều - Lớp giấy y tế Medical paper giữ ẩm và giữ ấm. - Tiệt trùng: Ethylen Oxide. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016, ISO 14001:2015, ISO 9001:2015.	Cái	5.200
101	Phin lọc vi khuẩn tương thích với bộ điều áp hút	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polypropylene, polyester. - Kích thước màng lọc: Đường kính 50 mm, độ dày 0,47 mm. - Hiệu suất màng lọc: Mật độ 100 g/m2, chỉ số lọc DEHS 5,3 cm/s, lọc các hạt đường kính 0,3 µm, hiệu suất lọc >99,97%. - Kích thước dây silicon: 7x13mm. 2. Tính năng công nghệ: - Lọc với một đầu dài gắn với ống, một đầu ngắn, bên trong có màng lọc vi sinh điều áp hút. - Đầu ngắn lọc vi sinh: Kết nối với bình chống tràn của điều áp hút. - Đầu dài lọc vi sinh: Gắn với dây thở silicon dẫn dịch hút từ bệnh nhân. - Tương thích với bộ điều áp hút đang sử dụng tại Bệnh viện. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Cái	3.700

STT	Tên vật tư y tế (hoặc tương)	Yêu cầu về tính năng và kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vi tính	Số lượng
102	Que đè lưỡi 150 mm x 20 mm x 2 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Gỗ tự nhiên, thớ mịn, đồng nhất, không lõi, không cong vênh. - Kích thước: 150mm x 20mm x 2mm. - Tiệt trùng bằng khí EO. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Que	105.000
103	Tăm bông y tế vô trùng	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Đầu bông từ 100% bông xơ tự nhiên, thân nhựa - Đầu gòn nhỏ 3mm, thân nhựa dài 15cm±0,5. Được tiệt trùng bằng khí EO-Gas. 2. Tính năng, công nghệ: bông xơ thiên nhiên, đã được loại bỏ chất béo và được tẩy trắng. Tốc độ chìm không quá 8 giây. Khả năng hút nước g>100, pH 5,0÷8,0. Vô khuẩn Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Que	262.000
104	Trocar dẫn lưu màng phổi	1. Thông số kỹ thuật: - Kích thước: chiều dài 8cm ; cỡ 8Fr, 10Fr chia vạch từng cm, có 1 lỗ ở mặt bên. - Chất liệu: Ống thông bằng nhựa PVC trong suốt có đường cản quang, trocar bằng thép không gỉ. 2. Tính năng, công nghệ: - Dùng để mở đường vào khoang màng phổi. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu)	Cái	10
105	Túi cuộn tiệt trùng dùng hấp tiệt trùng loại dẹp 300 mm x 200 m	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Giấy y tế màu trắng, không mùi, không độc, không xơ sợi, đã được tẩy sạch; Nhựa plastic PET/PP. - Kích thước: Loại ép dẹp 300 mm x 200 m. 2. Tính năng, công nghệ: - Chịu nhiệt 121-140 độ C. - Chất chỉ thị màu hồng chuyển sang màu nâu nếu tiệt trùng bằng khí EO; chỉ thị màu xanh chuyển sang màu xanh đậm nếu tiệt trùng bằng hơi nước từ nhiệt độ 121-134 độ C. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cuộn	44

STT	Tên vật tư y tế (hoặc tương)	Yêu cầu về tính năng và kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vi tính	Số lượng
106	Túi cuộn tiệt trùng Tyvek 100 mm x 100 m	1. Thông số kỹ thuật: - Kích thước: 100mm x 100m. - Gồm: 1 lớp màng film phẳng trong suốt PET/PE; 1 lớp giấy chống thấm màu trắng dùng trong y tế được thiết kế đặc biệt để đảm bảo độ vô trùng cao. 2. Tính năng, công nghệ: - Túi hấp tiệt trùng sử dụng cho hấp tiệt khuẩn bằng khí Hydrogen Peroxide theo công nghệ Plasma. - Chất chỉ thị hóa học sẽ đổi màu sau khi tiếp xúc bằng khí Hydrogen Peroxide. - Mép túi có ba đường hàn tránh bị bung trong quá trình sử dụng. - Chất liệu không chì, không có kim loại nặng, không gây kích ứng. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cuộn	16
107	Túi cuộn tiệt trùng Tyvek 250 mm x 100 m	1. Thông số kỹ thuật: - Kích thước: 250mm x 100m. - Gồm: 1 lớp màng film phẳng trong suốt PET/PE; 1 lớp giấy chống thấm màu trắng dùng trong y tế được thiết kế đặc biệt để đảm bảo độ vô trùng cao. 2. Tính năng, công nghệ: - Túi hấp tiệt trùng sử dụng cho hấp tiệt khuẩn bằng khí Hydrogen Peroxide theo công nghệ Plasma. - Chất chỉ thị hóa học sẽ đổi màu sau khi tiếp xúc bằng khí Hydrogen Peroxide. - Mép túi có ba đường hàn tránh bị bung trong quá trình sử dụng. - Chất liệu không chì, không có kim loại nặng, không gây kích ứng. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cuộn	24

STT	Tên vật tư y tế (hoặc tương)	Yêu cầu về tính năng và kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vi tính	Số lượng
108	Túi đựng nước tiểu van xả thẳng có dây	1. Thông số kỹ thuật: - Sản xuất từ nhựa y tế PVC, không độc hại. - Kích cỡ 2000ml, độ dày 1.2mm, phân vạch rõ ràng. Có vạch dung tích mỗi 100ml. Đảm bảo kín không rò rỉ. - Van xả thoát đáy chữ T, chống trào ngược, ống đầu vào 90cm. Có quai treo bằng nhựa PVC. - Thân túi có bảng ghi thông tin cơ bản về bệnh nhân: Họ tên, số giường, số phòng. 2. Tính năng, công nghệ: - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). - Có bảng chia vạch nghiêng cho phép theo dõi lượng nước tiểu cực ít (25ml) trong những trường hợp bệnh nhân thiểu niệu. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485, FDA ; được sản xuất tại Việt Nam.	Cái	500
109	Túi hấp tiệt trùng 350mmx200m	1. Thông số kỹ Thuật: - Chất liệu: Giấy y tế màu trắng, không mùi, không độc, không tơ sợi, đã được tẩy sạch, và nhựa plastic PET/PP - Kích thước 350mm x 200m, 2. Tính năng, công nghệ: Chịu nhiệt 121 -140oC. Chất chỉ thị có hình chữ nhật hoặc hình bình hành, chỉ thị màu hồng chuyển sang màu nâu nếu tiệt trùng bằng khí EO. Chỉ thị màu xanh chuyển sang màu xanh đậm nếu tiệt trùng bằng hơi nước từ nhiệt độ 121oC-134oC Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cuộn	30
110	Túi hấp tiệt trùng 75mmx200m	1. Thông số kỹ Thuật: Chất liệu: Giấy y tế màu trắng, không mùi, không độc, không tơ sợi, đã được tẩy sạch, và nhựa plastic PET/PP - Kích thước 75mm x 200m.chịu nhiệt 121 - 140oC 2. Tính năng, công nghệ: - Chịu nhiệt 121 -140oC - Chất chỉ thị: có hình chữ nhật hoặc hình bình hành: chỉ thị màu hồng chuyển sang màu nâu nếu tiệt trùng bằng khí EO.	Cuộn	4

STT	Tên vật tư y tế (hoặc tương)	Yêu cầu về tính năng và kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vi tính	Số lượng
		- Chỉ thị màu xanh chuyển sang màu xanh đậm nếu tiệt trùng bằng hơi nước từ nhiệt độ 121oC-134oC Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485		
111	Túi hấp tiệt trùng loại dẹp cỡ 250 mm x 200 m	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Màng film gồm 2 lớp PET + PP và Giấy y tế. - Kích cỡ: 250mm x 200m, - Lớp PET + PP: + Độ giãn dài đến khi đứt theo phương dọc là >150%; + Độ giãn dài đến khi đứt theo phương ngang là >135% + Độ thấm thấu hơi nước $\geq 12 \text{ g/m}^2/24\text{h}$ theo + Độ thấm thấu oxy $\geq 130 \text{ cc/m}^2/24\text{h}$ theo + Độ bền đường hàn $> 1.5\text{n}/15\text{mm}$ - Giấy y tế: + Độ dày $\geq 83\mu\text{m}$, + Hiệu suất không khí $\geq 11.1 (\mu\text{m}) \text{ Pa.s}$, + Tính chống thấm nước ≥ 20 giây, khả năng hút nước trong 60s: $\geq 15\text{g/m}^2$, + Độ bền chịu bụi: $\geq 230 \text{ kPa}$, độ chịu bụi khi ướt $\geq 90 \text{ kPa}$, + Độ pH: 7.5, hàm lượng Chloride $\leq 0.01\%$, Sunfat $\leq 0.01\%$. - Chỉ thị hóa học bằng mực nước. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: UNI EN 868-5, UNI EN ISO 11607-1, UNI EN ISO 11607-2, ISO 11140-1, ISO 13485, ISO 9001, CE (Châu Âu). 3. Xuất xứ: G7	Cuộn	92
112	Túi hấp tiệt trùng, cỡ 200mm x 200m	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Màng film gồm 2 lớp PET + PP và Giấy y tế. - Kích cỡ: 200mm x 200m, - Lớp PET + PP: + Độ giãn dài đến khi đứt theo phương dọc là >150%; + Độ giãn dài đến khi đứt theo phương ngang là	Cuộn	12

STT	Tên vật tư y tế (hoặc tương đương)	Yêu cầu về tính năng và kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vi tính	Số lượng
		>135% + Độ thấm thấu hơi nước $\geq 12 \text{ g/m}^2/24\text{h}$ theo + Độ thấm thấu oxy $\geq 130 \text{ cc/m}^2/24\text{h}$ theo + Độ bền đường hàn $> 1.5\text{n}/15\text{mm}$ - Giấy y tế: + Độ dày $\geq 83\mu\text{m}$, + Hiệu suất không khí $\geq 11.1 (\mu\text{m}) \text{ Pa.s}$, + Tính chống thấm nước ≥ 20 giây, khả năng hút nước trong 60s: $\geq 15\text{g/m}^2$, + Độ bền chịu bức: $\geq 230 \text{ kPa}$, độ chịu bức khi ướt $\geq 90 \text{ kPa}$, + Độ pH: 7.5, hàm lượng Chloride $\leq 0.01\%$, Sunfat $\leq 0.01\%$. - Chỉ thị hóa học bằng mực nước. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: UNI EN 868-5, UNI EN ISO 11607-1, UNI EN ISO 11607-2, ISO 11140-1, ISO 13485, ISO 9001, CE (Châu Âu). 3. Xuất xứ: G7		
113	Túi tiệt trùng 75mm x 100m với chỉ thị hóa học	1. Thông số kỹ Thuật: Chất liệu: Giấy y tế (Medical Kraft paper) màu trắng, không mùi, không độc, không tơ sợi, đã được tẩy sạch, và nhựa plastic PET/PP -Kích cỡ: 75mmx100m 2. Tính năng, công nghệ: - Chịu nhiệt 40°C-58°C. - Vị trí chữ in hai bên mép dán túi, bên mặt giấy, mực in màu xanh. - Chất chỉ thị có hình chữ nhật hoặc hình bình hành: chỉ thị màu xanh chuyển sang màu nâu nếu tiệt trùng bằng plasma Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cuộn	4
114	Túi tiệt trùng dùng cho tiệt trùng nhiệt độ thấp Plasma, cỡ 150 mm x 100m	1. Thông số kỹ Thuật: - Chất liệu: Giấy y tế (Medical Kraft paper) màu trắng, không mùi, không độc, không tơ sợi, đã được tẩy sạch, và nhựa plastic PET/PP - Kích thước 150mmx100m 2. Tính năng, công nghệ: - Chịu nhiệt 40°C-58°C. Vị trí chữ in hai bên mép dán túi, bên mặt giấy, mực in màu xanh. Chất chỉ thị có hình chữ nhật hoặc hình bình hành: chỉ thị màu xanh chuyển sang màu nâu nếu tiệt	Cuộn	20

STT	Tên vật tư y tế (hoặc tương)	Yêu cầu về tính năng và kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vi tính	Số lượng
		trùng bằng plasma Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485		
115	Túi tiệt trùng loại dẹp cỡ 100 mm x 200 m	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Giấy y tế màu trắng, không mùi, không độc, không xơ sợi, đã được tẩy sạch; Nhựa plastic PET/PP. - Kích thước: 100 mm x 200 m. 2. Tính năng, công nghệ: - Chịu nhiệt 121-140 độ C. - Chất chỉ thị màu hồng chuyển sang màu nâu nếu tiệt trùng bằng khí EO; chỉ thị màu xanh chuyển sang màu xanh đậm nếu tiệt trùng bằng hơi nước từ nhiệt độ 121-134 độ C. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cuộn	30
116	Túi tiệt trùng loại dẹp cỡ 150 mm x 200 m	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Màng film gồm 2 lớp PET + PP và Giấy y tế. - Kích cỡ: 150mm x 200m, - Lớp PET + PP: + Độ giãn dài đến khi đứt theo phương dọc là >150%; + Độ giãn dài đến khi đứt theo phương ngang là >135% + Độ thấm thấu hơi nước $\geq 12 \text{ g/m}^2/24\text{h}$ theo + Độ thấm thấu oxy $\geq 130 \text{ cc/m}^2/24\text{h}$ theo + Độ bền đường hàn $> 1.5\text{n}/15\text{mm}$ - Giấy y tế: + Độ dày $\geq 83\mu\text{m}$, + Hiệu suất không khí $\geq 11.1 (\mu\text{m}) \text{ Pa.s}$, + Tính chống thấm nước ≥ 20 giây, khả năng hút nước trong 60s: $\geq 15\text{g/m}^2$, + Độ bền chịu bức: $\geq 230 \text{ kPa}$, độ chịu bức khi ướt $\geq 90 \text{ kPa}$, + Độ pH: 7.5, hàm lượng Chloride $\leq 0.01\%$, Sunfat $\leq 0.01\%$.	Cuộn	40

STT	Tên vật tư y tế (hoặc tương)	Yêu cầu về tính năng và kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vi tính	Số lượng
		- Chỉ thị hóa học bằng mực nước. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: UNI EN 868-5, UNI EN ISO 11607-1, UNI EN ISO 11607-2, ISO 11140-1, ISO 13485, ISO 9001, CE (Châu Âu). 3. Xuất xứ: G7		
117	Vật liệu cầm máu (cellulose oxi hóa tái tổ hợp) tự tiêu, kích thước 2,5 x 5,1 cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Vật liệu cầm máu Cellulose oxi hóa tái tổ hợp (Oxidized regenerated cellulose) dạng bông xốp tự tiêu, nguồn gốc thực vật, chứa nhóm cacboxyl (COOH) 18%-24%. - Kích thước: 2.5cm x 5.1cm. 2. Tính năng, công nghệ: - Giới hạn nitrogen (USP) $\leq 0.5\%$. Có tính kháng khuẩn đối với 38 chủng vi khuẩn, kể cả MRSA, VRE, MRSE, PRSP. - Cầm máu hiệu quả trong 1-2 phút, nhờ pH thấp (2-4), tự tiêu trong 7-14 ngày. - Bám tốt vào mô chảy máu, có thể tách nhiều lớp. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016, CE (Châu Âu).	Miếng	10
118	Vật liệu sử dụng trong điều trị các tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm	1. Thông số kỹ Thuật: - Chất liệu: Polyurethane - Kích cỡ: - Băng bột xốp cỡ trung (Size M: 16,0 x 12.5 x 3,0 cm). - Đầu nối, vật liệu Silicone Elastomers - Ống dẫn, vật liệu Silicone Elastomers, Polyvinly Chloride, đường kính 2.5mm, tốc độ hút dịch 22m/s - Đầu nối và ống dẫn liền khối tăng sự lưu kín khi hút dịch - Băng dán, vật liệu Polyurethane Film và Acrylic Adhesive (1 tấm 35 x 35 cm) 2. Tính năng, công nghệ: - Kích thước lỗ xốp nhỏ 400-600 micromet đồng nhất giúp phân bố lực hút đồng đều, tối ưu hoá quá trình phát triển mô hạt và hạn chế tổn thương thứ cấp khi thay băng xốp	Bộ	8

STT	Tên vật tư y tế (hoặc tương đương)	Yêu cầu về tính năng và kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vi tính	Số lượng
		- Vật liệu sử dụng trong điều trị các tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm cỡ trung, dùng với máy hút dịch áp lực âm chế độ liên tục & chu kỳ. - Đầu hút dịch và dây dẫn dịch được thiết kế liền khối bảo đảm sự lưu kín của áp lực âm khi hút dịch - Đầu hút dịch được tích hợp băng dán giúp tiện dụng khi thực hiện thao tác - Đóng gói ép chân không - Được tiệt khuẩn trước khi đóng gói 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE(Châu Âu)		
119	Vật liệu trám cản quang dành cho răng Fuji 9 hoặc tương đương	1. Thông số kỹ thuật: - 15g bột + 8g nước. - Tăng cường phóng thích Fluoride, vật liệu trám glass ionomer cản quang dành cho răng. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Hộp	65
120	Vòng đeo tay nhận dạng bệnh nhân	1. Thông số kỹ Thuật: Chất liệu: Chất liệu nào đảm bảo được các tiêu chí như: phải dai, không thấm nước, không gây ảnh hưởng tới sức khỏe cho bệnh nhân như nhựa trung tính, cao su, vải, giấy. Kích cỡ: Có thể điều chỉnh độ rộng của vòng phù hợp với kích thước cổ tay bệnh nhân. 2. Tính năng, công nghệ: Mềm, mịn, dẻo, không thấm nước, không sắc bén ở các cạnh, không tự bung, khóa chắc chắn khó mở, tem dán ghi thông tin bệnh nhân không thấm nước. Có nhiều màu sắc để phân biệt các đối tượng bệnh nhân khác nhau. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	3.500
	Tổng cộng: 120 mặt hàng			

(File mẫu báo giá)

CÔNG TY:

ĐỊA CHỈ: SỐ ĐIỆN THOẠI:

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai

Theo thư mời sốngày.../.../2026 về việc, Công ty chúng tôi báo giá các mặt hàng theo nhu cầu mua sắm của Bệnh viện như sau:

TT	STT theo yêu cầu báo giá	Tên hàng hóa	ĐVT	Chi tiết kỹ thuật	Phân nhóm kỹ thuật (nếu có)	Ký mã hiệu	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng/ Nước Chủ sở hữu	SĐK/ GPNK/ PCB	Số lượng (có khả năng cung ứng)	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền (có VAT)	Ghi chú
														Số quyết định trúng thầu và hợp đồng tương tự bằng hình thức đấu thầu rộng rãi, mã IB mời thầu

Đơn giá chào bằng Đồng Việt nam, giá trên đã bao gồm chi phí vận chuyển, lắp đặt thiết bị và hướng dẫn sử dụng.

Hàng hóa mới 100%, đảm bảo đúng quy cách, chủng loại và các tiêu chuẩn kỹ thuật.

Phương thức thanh toán:.....

Thời gian giao hàng:.....

Thời gian bảo hành:.....

Địa điểm giao hàng: Tại Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai

Báo giá này có hiệu lực ngày kể từ ngày .../.../2026.

Công ty..... cam kết đơn giá hàng hóa cung cấp trong báo giá này là giá cạnh tranh nhất tại thời điểm báo giá. Chúng tôi đảm bảo đơn giá này không cao hơn giá trúng thầu hoặc giá bán cho các đơn vị khác tại cùng một thời điểm và điều kiện cung ứng tương ứng. Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của thông tin này.

Ngày ... tháng năm

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký tên và đóng dấu)